TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG XƯƠNG** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29/10/2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Lợi

Bà Hoàng Thị Thúy

***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện VKSND huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 29/10/2019, tại Trụ sở TAND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 172/2019/TLST-HNGD ngày 23/7/2019 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐXX-ST ngày 15/10/2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Chị Trần Thị X, sinh 1992 (Có mặt).

Nơi ĐKHKTT: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện trú tại: Thôn 1, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

*** Bị đơn**: Anh Phạm Đình H, sinh 1983 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị X trình bày: Chị và anh Phạm Đình H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa ngày 14/03/2013.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H có tính gia trưởng, thiếu trách nhiệm với vợ con, nhiều lần đánh đập chị, vì vậy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Chị X đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở thôn 1, xã Q, huyện Q từ tháng 06/2019. Kể từ đó đến nay hai vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục cuộc sống chung, vì vậy chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Đình H.

Về con chung: Chị X và anh H có 01 con chung là cháu Phạm Đình H sinh ngày 30/12/2013. Nguyện vọng của chị là được trực tiếp nuôi dưỡng cháu, tại biên bản hòa giải ngày 25/9/2019 chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn là anh Phạm Đình H trình bày: Anh thống nhất nội dung trình bày của chị X về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 06/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung khiến vợ chồng cãi nhau nên chị X bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay chị X làm đơn xin ly hôn, anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn với chị X.

Về con chung: Anh H và chị X có 01 con chung là cháu Phạm Đình H sinh ngày 30/12/2013. Nguyện vọng của anh nếu ly hôn muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu, không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ đối với bố chị X (ông Trần Ngọc T) và tại địa phương xác định: Sau khi kết hôn, chị X và anh H chung sống với nhau tại thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Hai vợ chồng chung sống được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau. Tuy nhiên chị X và anh H không báo cáo với chính quyền địa phương.Từ tháng 06/2019 đến nay, chị X cùng con trai đã về bố mẹ đẻ ở thôn 1, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa (đã đăng ký tạm trú). Nay chị X có đơn xin đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến đại diện VKSND huyện Quảng Xương:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử, nguyên đơn và bị đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 271, 273, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14; Tiểu mục 1.1 Mục 1 phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị X đối với anh Phạm Đình H. Giao cháu Phạm Đình H cho chị Trần Thị X trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị X làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Phạm Đình H, anh H có địa chỉ cư trú tại thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa là quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị X và anh Phạm Đình H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau, thiếu tôn trọng nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 06/2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị X xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh H. Anh H cũng thống nhất vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, đã sống ly thân từ tháng 06/2019 đến nay không ai quan tâm đến ai, anh H không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên anh H cũng không đưa ra được phương án khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thành, Chị X vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa chị X và anh H đã trầm trọng, thực tế tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị X được ly hôn anh H là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị X và anh H có 01 con chung là cháu Phạm Đình H sinh ngày 30/12/2013. Anh H, chị X đều có nguyện vọng được nuôi con, không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy từ khi ly thân chị X về nhà mẹ đẻ tại xã Q sinh sống (đã đăng ký tạm trú), cháu H đang ở với chị X và học ổn định tại Trường tiểu học Q và phát triển bình thường, hiện tại chị X đang làm công nhân tại Công ty TNHH S tại địa

chỉ: Lô F2, khu F, khu công nhiệp L, Tp T với thu nhập ổn định hơn 9.000.000 triệu đồng/1 tháng, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con cùng chị vẫn đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H. Vì vậy giao cháu H cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng phù hợp với qui định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con, anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản: Chị X và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

*Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14; Tiểu mục 1.1 Mục 1 phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

* Xử:

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị X được ly hôn với anh Phạm Đình H.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Đình H sinh ngày 30/12/2013 cho chị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản: Chị X và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị X phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0001651 ngày 23/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Chị X đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sư./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Quảng Xương;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự Quảng Xương;
- UBND xã Q, Q;
- Lưu hồ sơ vụán;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Cao Văn Tuấn